TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HS-PT
Ngày: 25-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường
bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Phan Anh Toàn P về tội *"Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép";* do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 11-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Anh Toàn P, sinh ngày 18/12/1995 tại thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi thường trú: số B đường T, tổ B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: căn hộ B khu P, số A đường Ô, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; (nay là căn hộ B khu P, số A đường Ô, phường T, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Anh H và bà Ngô Thị Kiều L; có vợ là Trần Thục N và 01 con (sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Xu M, sinh năm 1975; quốc tịch: Trung Quốc; nơi thường trú: nhà số C, tòa nhà S, thôn T, quận D, thành phố T, Trung Quốc; vắng mặt.

2. Công ty TNHH P1; trụ sở chính: số A đường Ô, phường T, thành phố Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh H1, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/9/2020, Phan Anh T P và Công ty P1 có ký hợp đồng mượn ngôi nhà A32-33 để kinh doanh. Đến tháng 9/2021, do tình hình dịch bệnh, kinh doanh khó khăn nên Công ty P2 có ký phụ lục hợp đồng với Phan Anh Toàn P với nội dung P tự nguyện chi trả cho Công ty P3 700.000đ/tháng cho 01 phòng khi cho khách thuê để công ty P3 chi trả các khoản dọn vệ sinh, sửa chữa tại căn hộ. Phan Anh Toàn P chưa được cấp giấy phép kinh doanh về dịch vụ lưu trú tại căn hộ S nhưng đã cho người nước ngoài không có hộ chiếu, thị thực lưu trú, không khai báo tạm trú, trình báo cơ quan công an, khi có lực lượng chức năng kiểm tra, các đối tượng thông báo cho người nước ngoài trốn tránh sự kiểm tra. Cụ thể như sau:

Vào năm 2017, XU MING (sinh ngày: 05/08/1975, quốc tịch: Trung Quốc) có hành vi lừa đảo tại Trung Quốc, do sợ bị bắt giữ nên đối tượng đã bỏ trốn sang Myanmar, Thái Lan, Campuchia và nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo đường tiểu ngạch vào khoảng tháng 05/2021.

Đến khoảng tháng 07/2022, XU MING thông qua mạng xã hội Zalo liên hệ Trần Xuân V giới thiệu đến thuê phòng lưu trú tại căn hộ S P, phường X, T, Đà Nẵng do ông Phan Anh Toàn P là quản lý. Khi đến thuê phòng tại căn hộ A, XU MING được Trần Thị Kiều T1 (là nhân viên được P thuê) giao chìa khóa và bố trí ở tại Phòng 304 căn hộ A với giá 4.500.000₫ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) một tháng, tiền điện nước tính riêng theo mức tiêu thụ.

Viện làm việc cho P từ năm 2020 đến năm 2023, Viện là nhân viên kinh doanh, tìm khách về lưu trú tại căn hộ và hưởng 10% tiền hoa hồng từ số tiền cho khách thuê. T1 là nhân viên dọn vệ sinh cho căn hộ A32-33, khi có khách thuê thì làm thủ tục đăng ký tạm trú; T1 làm thuê cho P với mức lương 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) một tháng, giữa P với T1, Viện không có hợp đồng lao động mà chỉ giao ước miệng với nhau.

Khi XU MING đến cư trú tại căn hộ A thì T1 sử dụng phần mềm dịch ngôn ngữ trên điện thoại hỏi về hộ chiếu, thị thực của XU MING thì XU MING nói hộ chiếu đã hết hạn và đưa thông tin của người phụ nữ tên Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1989, HKTT: Đội 2, T, C, Hà Nội, CCCD số 001189005308) cho T1 để T1 đi đăng ký lưu trú. Trang báo sự việc trên cho P thì P không nói gì. Thời gian sau đó, giữa T1 và P không đề cập đến vấn đề hộ chiếu, thị thực cũng như việc đăng ký lưu trú của XU MING.

Khoảng tháng 7/2023, P có yêu cầu T1 sang căn hộ A chuẩn bị các thủ tục để ngày mai lực lượng Công an kiểm tra thì T1 nhắn tin cho XU MING đi trốn để tránh sự phát hiện của lực lượng Công an và nhắn tin kể cho V biết việc này. Vì vậy Cơ quan Công an không phát hiện XUMING lưu trú tại đây.

Đến 16h30 ngày 07/08/2024, Công an phường T (nay là Công an phường X) phối hợp với Đội An ninh Công an quận T, Phòng C Công an thành phố Đ, Cục C1

Bộ C2 tiến hành kiểm tra cư trú tại căn A khu P, A Ông Í, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng phát hiện XU MING cư trú trái phép tại phòng 305. Qua kiểm tra thông tin và đối chiếu hình ảnh, X là đối tượng đang bị truy nã theo Quyết định số A-78857/7-2024 ngày 08/07/2024 của Ban Tổng thư ký Interpol về tội Lừa đảo hợp đồng. Cục Cảnh sát hình sự Bộ công an đã tiến hành bắt giữ người đang bị truy nã đối với đối tượng XU MING và đã chuyển giao cho Cơ quan chức năng Trung Quốc.

Từ tháng 7/2022 đến tháng 7/8/2024, XU MING trả tiền thuê phòng tổng cộng là 108.000.000 đồng P đã chuyển cho Công ty P2 số tiền là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng). P và V thu lợi bất chính từ việc cho XU MING ở trái phép là 91.200.000 đồng (Chín mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó V thu lợi số tiền 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm ngàn đồng), P thu lợi số tiền 80.400.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ngày 08/8/2024, Phòng Q có Công văn số 1502/XNC- QLXNC xác định người Trung Quốc có tên XU MING, Giới tính: nam, Quốc tịch Trung Quốc, Số ID: 310109197508052037 không có thông tin nhập cảnh và vi phạm khác trên Trung tâm D và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 227/QĐ-XPHC đối với XU MING về hành vi "*qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*" quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 18 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Quá trình điều tra các bị can Phan Anh Toàn P, Trần Xuân V và Trần Thị Kiều T1 đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu được.

- Phan Anh Toàn P đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 80.400.000 đồng (T2 mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) và Trần Xuân V đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm ngàn đồng).

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 11-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Phan Anh Toàn P phạm tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phan Anh Toàn P 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Kiều T1, Trần Xuân V, về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 23-6-2025 bị cáo Phan Anh Toàn P kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nêu lý do kháng cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp số tiền 80.400.000 đồng, tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện, gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phan Anh Toàn P giữ nguyên các nội dung như đã trình bày trong đơn kháng cáo; trình bày ý kiến bị cáo không cố tình sắp xếp cho Xu M1 đi trốn, mà chỉ nghỉ là khách đang thuê nên muốn tạo điều kiện cho khách thuê nhà; xin được giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Lê Đình T3 kháng cáo nhưng không có tình tiết mới, về việc nộp số tiền 80.400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chịu trách nhiệm chính trong vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; đề nghị giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2022 đến ngày 07/8/2024, Phan Anh Toàn P, Trần Thị Kiều T1 đã có hành vi tổ chức cho Xu M (sinh ngày 05/8/1975; quốc tịch: Trung Quốc ở lại trái phép tại căn hộ A khu P, số A đường Ô, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trần Xuân V đã có hành vi môi giới cho Xu M ở lại Việt Nam trái phép. Đối tượng Xu M người Trung Quốc đến thuê căn hộ/ phòng ở dài hạn, khoảng 2 năm (từ tháng 7/2022 đến ngày bị phát hiện là 07/08/2024), bị cáo biết phải đăng ký tạm trú, nộp hộ chiếu và visa (còn thời hạn cư trú tại Việt Nam) cho cơ quan chức năng và giao cho bị cáo T1 thực hiện. T1 báo lại cho Phú V1 của Xu M hết hạn (thực tế Xu Ming không có visa nhập cảnh) và có căn cước công dân

của Nguyễn Thị N1 là bạn của Xu M thì P đồng ý cho T1 đăng ký bằng tên của bà N1 để lưu trú và yêu cầu khi nào gia hạn Visa thì lấy đăng ký cho cơ quan công an. Sau đó bị cáo P không hỏi lại nữa. Như vậy việc không đăng ký lưu trú cho đối tượng Xu M là trách nhiệm chính của bị cáo, tuy nhiên bị cáo đã không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định bị cáo Phan Anh Toàn P, phạm tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xem xét về hình phạt:

Bị cáo Phan Anh Toàn P là chủ cơ sở kinh doanh lưu trú, mặc dù chưa được cấp phép kinh doanh nhưng vẫn tổ chức cho người khác thuê lưu trú ngắn hoặc dài hạn; bị cáo quyết định việc cho khách thuê và giao nhiệm vụ (bằng miệng) cho bị cáo T1 thực hiện; do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong việc để cho đối tượng Xu M ở lại Việt Nam trái phép. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam; đối tượng Xu Ming được các bị cáo cho ở lại trái phép là đối tượng phạm tội hình sự đang bị truy nã quốc tế.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình; đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm đã nhận định đúng vai trò và hành vi của bị cáo, áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp một số tài liệu chứng cứ mới thể hiện gia đình có công cách mạng (gia đình bên Vợ), bị cáo tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện có xác nhận của các Cơ quan, đơn vị là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên số tiền bị cáo nộp 80.400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo P chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, đồng thời đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cho người khác lưu trú qua đêm không khai báo, nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng, nên không được giảm nhẹ hình phạt và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng bị cáo P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Anh Toàn P, giữ nguyên hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 11-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, đối với bị cáo Phan Anh Toàn P.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phan Anh Toàn P 12 (mười hai) tháng tù về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng tham mưu-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cục THAHS và HTTP CA Tp Đà Nẵng;
- Các Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long